

quết máy

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY HOẠCH**

**Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao tỉnh Bình Phước  
đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 409 /QĐ-UBND*

*Ngày 28 /02/2008 của UBND tỉnh)*

### **PHẦN MỞ ĐẦU**

Bình Phước là một tỉnh miền núi, biên giới, thuộc miền Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 688.288 ha, có đường biên giới với Campuchia dài khoảng 240 Km. Theo số liệu thống kê đến tháng 3/2007 toàn tỉnh có 854.395 người, gồm 41 thành phần dân tộc. Trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 20% tổng dân số toàn tỉnh, mật độ dân số trung bình 124 người/Km<sup>2</sup>.

Bình Phước có 8 đơn vị hành chính cấp huyện: Bình Long, Bù Đăng, Bù Đốp, Chơn Thành, Đồng Phú, Lộc Ninh và thị xã Đồng Xoài; với 99 đơn vị hành chính cấp xã (86 xã, 8 thị trấn và 5 phường) và có 784 đơn vị cấp thôn, ấp, khu phố.

Ngành Thể dục thể thao Bình Phước có xuất phát điểm thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao trong những năm qua còn nghèo nàn, với các cơ sở hiện có còn rất đơn giản, không đạt chuẩn trong thi đấu thể thao. Những cơ sở này, chỉ phục vụ cho việc tập luyện mang tính phong trào ở địa phương. Vì vậy, Ngành Thể dục thể thao Bình Phước tuy có tốc độ phát triển khá nhanh, nhưng chưa thể cải thiện vị trí thể thao trong khu vực cũng như cả nước.

### **PHẦN THỨ NHẤT**

**1. Sự cần thiết phải xây dựng Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020**

**1.1. Vị trí và vai trò của cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao trong sự phát triển chung của lĩnh vực thể dục thể thao:**

- Trong thời đại ngày nay, vị trí của thể dục thể thao hầu hết ở các quốc gia đã có sự thay đổi rõ rệt. Ở trong nước vị thế của thể dục thể thao ngày càng được khẳng định. Thể dục thể thao không chỉ là lĩnh vực văn hóa xã hội, mà thể dục thể thao còn là một lĩnh vực kinh doanh và hỗ trợ các ngành khác kinh doanh rất có hiệu quả. Thể dục thể thao góp phần quan trọng trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao có vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp thể dục thể thao. Đây là điều kiện cần có để làm nền tảng cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao.

- Để giúp cho sự nghiệp thể dục thể thao phát triển, ngoài yếu tố con người và kinh phí thì cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao có vai trò rất quan trọng. Một địa phương, đơn vị nếu cơ sở vật chất thể thao quá nghèo nàn, thì chắc chắn không thể có một nền thể dục thể thao phát triển vững mạnh được.

### ***1.2. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao trong sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương:***

Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao là một khâu rất quan trọng để phát triển sự nghiệp thể dục thể thao, góp phần chăm lo sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của người dân. Mọi người có sức khỏe tốt, sẽ có tinh thần minh mẫn, sẽ góp sức để xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương và đất nước ngày càng tốt hơn. Thể dục thể thao phát triển sẽ đẩy lùi tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa xã hội tốt hơn, hạn chế những bệnh tật, làm giảm tổn kém trong việc chữa trị bệnh tật. . . để góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương và cả nước.

### ***1.3. Những thuận lợi và tiềm năng phát triển:***

- Lãnh đạo Đảng và Chính quyền địa phương các cấp từ tỉnh, huyện đến cấp xã, phường, thị trấn luôn quan tâm đến công tác phát triển thể dục thể thao và đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao ở địa phương.

- Điều kiện kinh tế xã hội ngày càng phát triển, làm cho nhu cầu tập luyện và hưởng thụ về thể thao ngày càng tăng trong mọi tầng lớp nhân dân.

- Công tác xã hội hóa thể dục thể thao trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều đối tượng, thành phần, cơ quan, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh đã có sự quan tâm đến các hoạt động thể dục thể thao. Đã có một số tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh tế đã đầu tư nguồn kinh phí rất lớn để xây dựng công trình thể thao phục vụ cho nhu cầu của xã hội.

### ***1.4. Những khó khăn:***

- Bình Phước là tỉnh còn nghèo, nguồn thu chưa đủ chi, ngân sách trung ương hỗ trợ hàng năm. Các đơn vị kinh tế, doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn còn quá ít.

- Đời sống kinh tế của người dân còn khó khăn, trình độ dân trí thấp, huy động các nguồn từ công tác xã hội hóa còn thấp, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao của tỉnh Bình Phước hiện nay còn kém xa đối với các tỉnh, thành trong cụm, khu vực và cả nước. Hầu hết không đạt tiêu

chuẩn để sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu cơ sở, chỉ phục vụ cho việc sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu phổ thông.

## **2. Thực trạng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao ở địa phương**

### **2.1. Về đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao:**

2.1.1. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở các cơ sở do cấp xã, phường, thị trấn quản lý: 83,47 ha

2.1.2. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở các cơ sở do cấp huyện, thị xã: 28,72 ha.

2.1.3. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở cấp tỉnh: 22,51 ha.

2.1.4. Đối với Ngành Giáo dục - Đào tạo, tổng diện tích đất năm 2005 là: 432,09 ha. Trong đó có cả đất dành cho hoạt động thể dục thể thao trong trường học.

2.1.5. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở các ngành khác như: Công ty Cao su, Quân sự, Công an . . . là: 44,83 ha (trong đó công ty Cao su là: 28,03 ha).

#### **\* Đánh giá chung:**

Hiện trạng đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao toàn tỉnh là 122,60 ha, chỉ đạt 41% so với Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh giai đoạn 1998 – 2010 đã được duyệt là 299 ha. Tính bình quân chỉ đạt 1,5 m<sup>2</sup>/người. Số liệu này chỉ tính diện tích đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn, cấp huyện, thị xã và cấp tỉnh, không tính diện tích đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở các ngành khác.

Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao cấp tỉnh và cấp huyện, thị xã đã được quy hoạch, nhưng việc cấp sổ chủ quyền vẫn chưa thực hiện được. Đối với cấp xã, phường, thị trấn phần lớn đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao chỉ tạm thời, do đó thường bị lấn chiếm và sử dụng vào mục đích khác khi địa phương có nhu cầu.

Hiện trạng đất dành cho Ngành Giáo dục - Đào tạo là 432,09 ha, bình quân 20,58 m<sup>2</sup>/học sinh. Trong đó có cả đất dành cho hoạt động thể dục thể thao theo quy định là 4 m<sup>2</sup>/học sinh. Với diện tích này hiện tại đã đạt theo quy định.

### **2.2. Về công trình thể dục thể thao các cấp:**

2.2.1. Công trình thể dục thể thao cấp xã, phường, thị trấn:

Toàn tỉnh có 99 xã, phường, thị trấn. Trong đó có 116 sân bóng đá các loại; 12 sân điền kinh; 6 bể bơi; 480 sân bóng chuyền; 151 sân cầu lông; 11 sân patin; 63 bàn bóng bàn. Hầu hết các công trình đều đơn giản, chưa đạt tiêu chuẩn thi đấu thể thao.

### 2.2.2. Công trình thể dục thể thao cấp huyện, thị xã:

Toàn tỉnh có 7 huyện và 1 thị xã. Hiện nay, đã có 7/8 huyện thị có Trung tâm Văn hóa - Thể thao (huyện Bù Đốp chưa có). Trong đó có 2 sân vận động có khán đài (Lộc Ninh, Bù Đăng); 1 sân vận động không có khán đài (Phước Long); 3 sân bóng đá các loại; 3 sân điền kinh; 5 sân quần vợt; 1 sân bóng rổ; 1 nhà tập luyện; 2 bể bơi; 5 sân bóng chuyền; 3 sân cầu lông; 2 sân patin; 4 bàn bóng bàn. Hầu hết các công trình đều chưa đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp III, chỉ sử dụng huấn luyện và thi đấu phổ thông. Toàn tỉnh chỉ có sân vận động huyện Bù Đăng mới xây dựng năm 2005, nhà thi đấu huyện Bù Đăng xây dựng năm 2006 và sân vận động huyện Lộc Ninh là đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp III, để sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu cơ sở.

### 2.2.3. Công trình thể dục thể thao cấp tỉnh:

Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh mới chỉ có 1 nhà tập thể dục thể thao đa năng, mặt sân vận động và khán đài B đang hoàn thiện để bàn giao vào tháng 12/2007. Các công trình thể dục thể thao cấp tỉnh thiết kế với tiêu chuẩn kỹ thuật cấp II.

### 2.2.4. Công trình thể dục thể thao các ngành trên địa bàn:

Ngành Giáo dục - Đào tạo có: 8 sân bóng đá các loại; 5 sân điền kinh; 1 sân bóng rổ; 3 nhà tập luyện (2 nhà có khán đài); 3 bể bơi; 16 sân bóng chuyền; 18 sân cầu lông; 17 bàn bóng bàn.

Các công ty Cao su có: 5 sân vận động; 19 sân bóng đá các loại; 49 sân bóng chuyền; 35 sân cầu lông; 32 bàn bóng bàn; 6 sân quần vợt; 03 bể bơi. Hầu hết các công trình đều đơn giản chưa đạt tiêu chuẩn thi đấu thể thao cấp cơ sở.

Các ngành khác có: 5 sân bóng đá các loại; 50 sân bóng chuyền; 100 sân cầu lông; 30 bàn bóng bàn; 25 sân quần vợt. Hầu hết các công trình đều đơn giản chưa đạt tiêu chuẩn thi đấu thể thao cấp cơ sở.

#### **\* Đánh giá chung:**

Hiện trạng các công trình thể dục thể thao của tỉnh đang được tập trung đầu tư; ở cấp huyện thì chỉ có huyện Bù Đăng được đầu tư mạnh, còn lại các huyện khác và thị xã chưa được đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện của người dân. Các công trình hiện có (trừ các công trình của tỉnh và huyện Bù Đăng) phần lớn chưa đạt chuẩn trong thi đấu thể thao, do đó việc huấn luyện nâng cao trong thể thao là điều hết sức khó khăn đối với ngành Thể dục thể thao các cấp.

### 2.3. Về trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao:

2.3.1. Đối với cấp xã, phường, thị trấn hầu hết đều chưa được trang bị, chỉ có một số ít cơ sở của tư nhân tự trang bị với những thiết bị rất đơn giản.

2.3.2. Đối với cấp huyện, thị xã phần lớn được trang bị với những dụng cụ đơn giản và đã cũ kỹ.

2.3.3. Đối với cấp tỉnh cũng mới được trang bị 06 bàn bóng bàn, 2 bộ thảm thi đấu võ thuật, 04 bộ cột lưới và thảm cầu lông, 02 bộ cột lưới bóng chuyền.

#### **Đánh giá chung:**

Hiện trạng trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao của tỉnh Bình Phước, chưa được đầu tư, chưa áp dụng được khoa học công nghệ vào việc huấn luyện nâng cao cho vận động viên thành tích cao.

#### **2.4. Đánh giá hoạt động đầu tư và vốn đầu tư:**

2.4.1. Vốn đầu tư cho hệ thống cơ sở vật chất qua các năm 2001 - 2007: Tổng cộng là: 33,25 tỷ đồng. Trong đó cấp tỉnh là: 21,9 tỷ đồng ( trụ sở: 1,8 tỷ; nhà tập 4,2 tỷ; mặt sân vận động 5,4 tỷ; khán đài B sân vận động 10,5 tỷ), cấp huyện là: 11,35 tỷ đồng ( sân vận động huyện Bù Đăng: 4 tỷ; nhà thi đấu huyện Bù Đăng 7 tỷ; các công trình khác 0,35 tỷ ).

2.4.2. Vốn đầu tư phân theo nguồn cung cấp: 100% vốn ngân sách nhà nước ở địa phương.

2.4.3. Suất đầu tư đối với các công trình chủ yếu: gồm trụ sở làm việc Sở Thể dục thể thao, nhà tập thể dục thể thao đa năng tỉnh, mặt sân vận động tỉnh, khán đài B sân vận động tỉnh, nhà thi đấu huyện Bù Đăng và sân vận động huyện Bù Đăng.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **Nội dung Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020**

#### **1. Căn cứ xây dựng quy hoạch**

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2007/NQ-CP ngày 25/01/2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 – 2010) tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Chỉ thị số 274-TTg ngày 27/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đai phục vụ sự nghiệp phát triển thể dục thể thao;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-2005 ngày 10/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Hướng dẫn thiết kế xây dựng công trình thể thao được ban hành kèm theo Quyết định số 764/1999/QĐ-UBTDTT ngày 04/9/1999 của Ủy ban Thể dục thể thao;



Căn cứ Hướng dẫn thiết kế các công trình thể thao xã, phường, thị trấn được ban hành kèm theo Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 12/01/2007 của Ủy ban Thể dục thể thao;

Căn cứ Đề cương Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao tỉnh (thành phố) đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 được ban hành kèm theo Công văn số 394/UBND-KHTC ngày 24/02/2006 của Ủy ban Thể dục thể thao;

Căn cứ Thông tư số 05/2003/TT-BKH ngày 22/7/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng quy hoạch cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 24 - KH/TU ngày 17/4/2003 của Tỉnh ủy Bình Phước thực hiện Chỉ thị 17- CT/TW về phát triển thể dục thể thao đến năm 2010;

Căn cứ Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội thời kỳ 2006 - 2020 của tỉnh Bình Phước.

## **2. Quan điểm, mục tiêu**

### **2.1. Quan điểm:**

Thể dục thể thao là một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, góp phần nâng cao thể lực, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, làm phong phú đời sống văn hóa và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam, phục vụ đắc lực cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Để có một nền thể dục thể thao phát triển bền vững, cần phải đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao, nhằm đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu và hưởng thụ của toàn dân.

Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia cùng Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao của tỉnh.

Đầu tư xây dựng công trình phải đạt chuẩn theo quy định của từng cấp; đầu tư phải tính đến hiệu quả khai thác của các công trình; đầu tư các công trình thi đấu mang tính đa năng; đầu tư theo hướng ưu tiên ở cơ sở trước để phát triển phong trào thể thao quần chúng.

### **2.2. Mục tiêu chung:**

Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao, tạo môi trường lành mạnh, hướng tới mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện về Trí - Đức - Văn - Thể - Mỹ, góp phần quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và bảo vệ đất nước nói chung.

Đến năm 2010 cơ bản thực hiện hoàn chỉnh việc quy hoạch và giao quyền sử dụng đất đai cho các cơ quan quản lý thể dục thể thao ở các cấp từ tỉnh, huyện và đặc biệt là cấp xã, phường, thị trấn.

Đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao và trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao ở các cấp, để đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Đến năm 2015 cơ bản xây dựng xong các công trình thể dục thể thao ở các cấp.

### 2.3. Mục tiêu cụ thể:

#### 2.3.1. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao:

Trong kỳ quy hoạch thực hiện bố trí đất dành cho hoạt động thể dục thể thao theo tiêu chuẩn quốc gia khoảng 2-3 m<sup>2</sup>/người, các Trung tâm Thể dục thể thao cấp huyện, thị xã được bố trí ở các đô thị; mỗi trung tâm có tối thiểu từ 3 ha trở lên; mỗi đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn được bố trí một sân vận động từ 1,5 - 2 ha ở khu vực trung tâm xã, phường, thị trấn; mỗi thôn, ấp được bố trí một sân thể thao từ 0,5 - 1 ha. Các công ty Cao su bố trí khu công viên hoạt động thể dục thể thao tại mỗi công ty từ 4 - 5 ha; mỗi xí nghiệp, nông trường bố trí một sân vận động từ 1,5 - 2 ha. Các khu công nghiệp bố trí khu công viên hoạt động thể dục thể thao từ 3 - 4 ha.

Đến năm 2010 tổng diện tích đất dành cho hoạt động thể dục thể thao là 1.077,44 ha (trong đó cấp tỉnh quản lý là 24,07 ha; cấp huyện quản lý là 37,53 ha; cấp xã là 1.015,84 ha).

Đến năm 2015 tổng diện tích đất dành cho hoạt động thể dục thể thao là 1.098,44 ha (trong đó cấp tỉnh quản lý là 24,07 ha; cấp huyện quản lý là 37,53 ha; cấp xã là 1.030,84 ha).

Đến năm 2020 tổng diện tích đất dành cho hoạt động thể dục thể thao là 1.113,44 ha (trong đó cấp tỉnh quản lý là 24,07 ha; cấp huyện quản lý là 37,53 ha; cấp xã là 1.045,84 ha).

#### 2.3.2. Công trình và trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao:

- *Cấp tỉnh*, đến năm 2015 có đầy đủ các công trình như sân vận động, nhà thi đấu, nhà tập, bể bơi, sân quần vợt, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông, trường nghiệp vụ, và trang thiết bị dụng cụ tập luyện thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp II hoặc III, để dùng sử dụng huấn luyện và thi đấu các giải thể thao trong nước và các giải quốc tế mở rộng. Đến năm 2020 có trường bắn thể thao.

#### - *Cấp huyện, thị xã*

Đến năm 2010: 8/8 huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao và sân vận động; 7/8 huyện, thị xã có nhà thi đấu; 5/8 huyện, thị xã có bể bơi. Tất cả các công trình được đầu tư trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp III, để sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao cấp cơ sở.



Đến năm 2015: 9/9 huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao và sân vận động; 8/9 huyện, thị xã có nhà thi đấu; 7/9 huyện, thị xã có bể bơi. Tất cả các công trình được đầu tư trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp III, để sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao cấp cơ sở.

Đến năm 2020: 100% các huyện, thị có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi. Tất cả các công trình được đầu tư trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp III, để sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao cấp cơ sở.

*- Cấp xã và thôn, ấp*

Đến năm 2010: Khoảng 50% số xã, phường, thị trấn có sân bóng đá đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp IV, để sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao phổ thông; khoảng 50% thôn, ấp có sân tập luyện thể dục thể thao.

Đến năm 2015: 100% số xã, phường, thị trấn (cũ) có sân bóng đá đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp IV, để sử dụng giảng dạy, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao phổ thông; 100% thôn, ấp (cũ) có sân tập luyện thể dục thể thao.

Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư cho các đơn vị còn lại, do chia tách đơn vị hành chính.

Về trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn chủ yếu là dụng cụ đơn giản.

*- Các ngành khác:*

Đến năm 2010: 100% công ty Cao su có sân vận động và một số sân thể thao khác như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn; 50% công ty Cao su có nhà thi đấu, bể bơi. 70% nông trường, xí nghiệp của công ty Cao su có sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn. Các khu công nghiệp khi đi vào ổn định phải có sân vận động, nhà tập, bể bơi và một số sân thể thao khác như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn.

Đến năm 2015: 100% công ty Cao su có sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi và một số sân thể thao khác như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn. 100% nông trường có sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn...

Đối với lực lượng vũ trang, đến năm 2010 các đơn vị cấp tỉnh và tương đương có sân vận động và một số sân thể thao khác như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn; các đơn vị cấp huyện, thị xã và tương đương một số sân thể thao khác như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn...

Đối với Ngành Giáo dục - Đào tạo đến năm 2010 có 40% số trường học có sân tập thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn theo quy định. Đến năm 2015 có 80% số trường học có sân tập thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn theo quy định. Đến năm



2020 có 100% số trường học có sân tập thể dục thể thao đạt tiêu chuẩn theo quy định.

### **3. Dự báo các yếu tố phát triển**

3.1. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tác động đến phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao:

Dự báo đến năm 2015, dân số tỉnh Bình Phước khoảng 1 triệu người; đơn vị hành chính: 3 thị xã, 6 huyện, 104 đơn vị cấp xã; năm 2020 khoảng 1,2 triệu người, đơn vị hành chính: 3 thị xã, 6 huyện, 109 đơn vị cấp xã; cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội của toàn tỉnh tương đối hoàn chỉnh, trình độ dân trí nhân dân trong tỉnh được nâng cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc. Tuyến quốc lộ 14 (Chơn Thành - Đăk Nông) và tuyến quốc lộ 13 (Chơn Thành - Campuchia) được nâng cấp hoàn chỉnh. Nhà máy Xi măng Tà Thiêt, cửa khẩu quốc tế Hoa Lư, khu công nghiệp Chơn Thành, khu công nghiệp Tân Khai, khu công nghiệp Tân Thành, khu công nghiệp Nam Đồng Phú, khu du lịch sinh thái Bà Rá cơ bản đã đi vào hoạt động, sẽ tạo điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước phát triển. Từ đó có điều kiện để ngân sách tỉnh và nhân dân cùng đóng góp đầu tư cho cơ sở vật chất thể dục thể thao mạnh hơn.

3.2. Dự báo nhu cầu phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao đối với phát triển kinh tế xã hội tỉnh:

Khi hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao của tỉnh phát triển sẽ là điều kiện thuận lợi nhất để sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà phát triển, tạo không khí vui tươi lành mạnh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về văn hóa thể thao trong mọi tầng lớp nhân dân. Thể thao phát triển sẽ đẩy lùi tệ nạn xã hội, nhất là trong thế hệ trẻ. Thể thao phát triển sẽ góp phần nâng cao thể chất con người Việt Nam. Thể thao phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong quan hệ đối nội, đối ngoại và giao lưu, giới thiệu với bạn bè trong và ngoài nước về tiềm năng kinh tế, xã hội của tỉnh. Thể thao phát triển sẽ tạo không khí hăng hái, tích cực trong học tập, lao động sản xuất và chiến đấu trong mọi tầng lớp nhân dân, góp phần ổn định chính trị, giữ vững an ninh trật tự xã hội. Từ đó, sẽ thúc đẩy kinh tế xã hội tỉnh Bình Phước ngày càng phát triển hơn.

### **4. Phương hướng xây dựng Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao đến năm năm 2015 và định hướng đến năm 2020**

4.1. Về đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao:

Tập trung quy hoạch và thực hiện cơ bản trong giai đoạn 2008 - 2010. Giai đoạn 2011 - 2020 chỉ quy hoạch bổ sung cho các đơn vị thành lập mới.

4.1.1. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở các cơ sở do cấp xã, phường, thị trấn quản lý:

- Giai đoạn 2007 - 2010: 1.015,84 ha

Trong đó: Các xã, phường, thị trấn ở các đơn vị như sau:

Thị xã Đông Xoài:	73,57 ha
Huyện Bù Đăng:	137,53 ha
Huyện Phước Long:	194,40 ha
Huyện Đồng Phú:	112,11 ha
Huyện Bình Long:	158,86 ha
Huyện Lộc Ninh:	162,43 ha
Huyện Chơn Thành:	95,08 ha
Huyện Bù Đốp:	80,91 ha
Khu Liên hợp thể thao Mỹ Lệ:	0,95 ha

- Giai đoạn 2011 – 2020: 30 ha quy hoạch cho 10 đơn vị cấp xã và thôn ấp dự kiến thành lập mới.

4.1.2. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở các cơ sở do cấp huyện, thị xã quản lý:

- Giai đoạn 2008 - 2010: 37,53 ha

Trong đó:

Thị xã Đông Xoài:	3,02 ha
Huyện Bù Đăng:	5,00 ha
Huyện Phước Long:	2,00 ha
Huyện Đồng Phú:	8,50 ha
Huyện Bình Long:	5,60 ha
Huyện Lộc Ninh:	3,00 ha
Huyện Chơn Thành:	3,60 ha
Huyện Bù Đốp:	6,81 ha

- Giai đoạn 2011 - 2015:

Huyện Bù Gia Mập: 6 ha ( huyện dự kiến thành lập mới ).

4.1.3. Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao ở các cơ sở do cấp tỉnh quản lý:

Giai đoạn 2008 - 2010: 24,07 ha

4.1.4. Đất cho hoạt động thể dục thể thao của các ngành:

- Đối với ngành Giáo dục - Đào tạo: Giai đoạn 2008 - 2010 là: 779,12 ha. Trong đó tính cả quỹ đất dành cho hoạt động thể dục thể thao trong trường học theo quy định là 4m<sup>2</sup>/học sinh.

- Đối với ngành Cao su, Quân sự, Công an: Giai đoạn 2008 - 2010 là: 125 ha nằm trong diện tích đất do các ngành đang quản lý.

- Đối với các khu công nghiệp: Giai đoạn 2008 - 2010 là: 15 ha.

Giai đoạn 2011 - 2015 là: 10 ha.

#### 4. 2. Về công trình thể dục thể thao các cấp:

##### 4.2.1. Công trình thể dục thể thao cấp xã, phường, thị trấn:

- Giai đoạn 2008 - 2010: 50 xã, phường, thị trấn (chiếm khoảng 50%) có sân bóng đá, 380 thôn, ấp (chiếm khoảng 50%) có sân tập luyện thể dục thể thao. Ưu tiên cho các địa phương đã có quỹ đất.

- Giai đoạn 2011 - 2015: 100% xã, phường, thị trấn (cũ) có sân bóng đá, 100% thôn, ấp (cũ) có sân tập luyện thể dục thể thao.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư cho các đơn vị còn lại, do chia tách đơn vị hành chính.

##### 4.2.2. Công trình thể dục thể thao cấp huyện, thị xã:

- Giai đoạn 2008 - 2010: 8/8 huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, sân vận động và một số sân thể thao khác (như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ....); 7/8 huyện, thị xã có nhà thi đấu; 5/8 huyện, thị xã có bể bơi.

- Giai đoạn 2011 - 2015: 9/9 huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, sân vận động và một số sân thể thao khác (như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ....); 8/9 huyện, thị xã có nhà thi đấu; 7/9 huyện, thị xã có bể bơi.

- Giai đoạn 2016 - 2020: 100% huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi và một số sân thể thao khác (như quần vợt, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ....).

##### 4.2.3. Công trình thể dục thể thao cấp tỉnh:

- Giai đoạn 2008 - 2010: Sân vận động có khán đài A - B; dàn đèn chiếu sáng sân vận động; đường chạy nhựa tổng hợp; nhà thi đấu; bể bơi; sân quần vợt; công, tường rào; các sân tập thể thao khác như sân tập bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ, cầu mây. . . và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Sân vận động có khán đài C - D; trường Nghiệp vụ TDTT.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Xây dựng trường bắn thể thao.



#### 4.3. Về trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao:

Với phương châm đầu tư xây dựng các công trình thể thao phải luôn gắn với trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao trong dự án chung. Ở cấp tỉnh và huyện phải đầu tư trang thiết bị dụng cụ thể dục thể thao đạt chuẩn trong tập luyện và thi đấu.

#### 4.4. Đánh giá hoạt động đầu tư và vốn đầu tư:

4.4.1. Nhu cầu đầu tư các dự án và vốn đầu tư tổng thể cả hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao ở địa phương:

- Nhu cầu đầu tư các dự án, cụ thể ở phần 4.4.2.

- Vốn đầu tư tổng thể cả hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao ở địa phương:

+ Giai đoạn 2008 - 2010:	<b>194 tỷ đồng</b>
Nguồn vốn NSNN cấp trung ương:	36,00 tỷ đồng
Nguồn vốn NSNN cấp tỉnh:	63,50 tỷ đồng
Nguồn vốn NSNN cấp huyện:	81,25 tỷ đồng
Nguồn vốn xã hội hóa:	13,25 tỷ đồng
+ Giai đoạn 2011 – 2015:	<b>170,42 tỷ đồng</b>
Nguồn vốn NSNN cấp trung ương:	25,00 tỷ đồng
Nguồn vốn NSNN cấp tỉnh:	50,00 tỷ đồng
Nguồn vốn NSNN cấp huyện:	77,96 tỷ đồng
Nguồn vốn xã hội hóa:	17,46 tỷ đồng
+ Giai đoạn 2016 - 2020:	<b>55,75 tỷ đồng</b>
Nguồn vốn NSNN cấp tỉnh:	25,00 tỷ đồng
Nguồn vốn NSNN cấp huyện:	29,375 tỷ đồng
Nguồn vốn xã hội hóa:	1,375 tỷ đồng

4.4.2. Danh mục các dự án và vốn đầu tư cho hệ thống cơ sở vật chất các giai đoạn từ 2008 - 2020:

##### \* Cấp tỉnh:

- Giai đoạn 2008 - 2010: Xây dựng khán đài A với sức chứa 5.400 chỗ ngồi có mái che, vốn đầu tư là 26 tỷ đồng; nhà thi đấu với sức chứa 2.000 chỗ ngồi vốn đầu tư là 50 tỷ đồng (vốn đầu tư chuyển giai đoạn sau là 25 tỷ đồng); bể bơi với sức chứa 2.000 chỗ ngồi vốn đầu tư là 25 tỷ đồng (vốn đầu tư chuyển giai đoạn sau là 20 tỷ đồng); 4 sân quần vợt (2 sân có mái che), vốn đầu tư là 3,6 tỷ đồng; công, tường rào khu trung tâm TDTT, vốn đầu tư là 5,6 tỷ đồng; trải

nhựa tổng hợp đường chạy điền kinh vốn đầu tư là 5,3 tỷ đồng; các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm vốn đầu tư là 17 tỷ đồng; các sân tập thể thao 1 tỷ đồng; hệ thống cấp nước khu trung tâm TDTT vốn đầu tư là 2 tỷ đồng; trạm hạ thế và hệ thống điện vốn đầu tư là 4 tỷ đồng; đường nội ô 11 tỷ đồng; dàn đèn chiếu sáng sân vận động 11 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Xây dựng trường năng khiếu TDTT vốn đầu tư 20 tỷ đồng; khán đài C-D 10.000 chỗ ngồi vốn đầu tư 15 tỷ đồng; vốn chuyển tiếp từ giai đoạn trước: nhà thi đấu 25 tỷ đồng; bể bơi 20 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Xây dựng trường bán thể thao vốn đầu tư là 25 tỷ đồng.

**\* Cấp huyện, thị xã:**

- Giai đoạn 2008 - 2010:

Đầu tư 6 nhà thi đấu ở 6 đơn vị: thị xã Đồng Xoài, huyện Phước Long, huyện Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Chơn Thành, huyện Lộc Ninh - Tổng vốn đầu tư 42 tỷ đồng (7 tỷ/nhà - vốn đầu tư chuyển giai đoạn sau là 20 tỷ đồng). Đầu tư 6 sân vận động có khán đài ở 6 đơn vị: thị xã Đồng Xoài, huyện Phước Long, huyện Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Chơn Thành, huyện Bù Đốp - Tổng vốn đầu tư 30 tỷ đồng (5 tỷ/sân). Đầu tư 4 bể bơi ở các đơn vị: thị xã Đồng Xoài, huyện Phước Long, huyện Bình Long, huyện Bù Đốp - Tổng vốn đầu tư 36 tỷ đồng (9 tỷ/bể - vốn đầu tư chuyển giai đoạn sau là 20 tỷ đồng).

- Giai đoạn 2011 - 2015:

Đầu tư tiếp 2 nhà thi đấu ở 2 đơn vị: huyện Bù Đốp, huyện Bù Gia Mập (huyện mới thành lập) - Tổng vốn đầu tư 15 tỷ đồng (7,5 tỷ/nhà). Đầu tư 1 sân vận động ở huyện Bù Gia Mập - Tổng vốn đầu tư 5,5 tỷ đồng. Đầu tư 2 bể bơi ở 2 đơn vị: huyện Đồng Phú, huyện Chơn Thành. Tổng vốn đầu tư 20 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Đầu tư tiếp 1 nhà thi đấu ở huyện Bù Gia Mập, vốn đầu tư 8 tỷ đồng. Đầu tư 2 bể bơi ở các đơn vị huyện Bù Đốp, huyện Bù Gia Mập - Tổng vốn đầu tư 20 tỷ đồng (10 tỷ/bể).

**\* Cấp xã, phường, thị trấn và cấp thôn, ấp:**

- Giai đoạn 2008 - 2010:

Đầu tư 50 sân bóng đá ở 50 đơn vị cấp xã, vốn đầu tư 7,5 tỷ đồng (150 triệu/sân); 380 sân tập luyện thể dục thể thao ở 380 đơn vị cấp ấp, vốn đầu tư 19 tỷ đồng (50 triệu/sân). Trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước 50%, nguồn xã hội hóa 50%.

- Giai đoạn 2011 - 2015:



Đầu tư 54 sân bóng đá ở 54 đơn vị cấp xã (trong đó có 5 đơn vị mới thành lập) vốn đầu tư 9,18 tỷ đồng (170 triệu/sân); 415 sân tập luyện thể dục thể thao ở 429 thôn, ấp (trong đó có 25 đơn vị cấp ấp thành lập mới) vốn đầu tư 25,74 tỷ đồng (60 triệu/sân). Trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước 50%, nguồn xã hội hóa 50%.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Đầu tư 5 sân bóng đá ở 5 đơn vị cấp xã mới thành lập, vốn đầu tư 1 tỷ đồng (200 triệu/sân); 25 sân tập luyện thể dục thể thao ở 25 thôn, ấp mới thành lập vốn đầu tư 1,75 tỷ đồng (70 triệu/sân). Trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước 50%, nguồn xã hội hóa 50%.

4.4.3. Vốn đầu tư phân theo nguồn cung cấp:

- Nguồn của Trung ương: Đầu tư 30% công trình thể thao cấp tỉnh.
- Nguồn của tỉnh: Đầu tư 70% công trình thể thao cấp tỉnh.
- Nguồn của huyện, thị xã: Đầu tư 100% công trình thể thao cấp huyện và 50% công trình thể thao cấp xã, phường, thị trấn và cấp thôn, ấp.
- Nguồn vốn huy động từ xã hội hóa: Đầu tư 50% công trình thể thao cấp xã, phường, thị trấn và cấp thôn, ấp.

4.4.4. Suất đầu tư đối với các công trình chủ yếu:

- Nhà thi đấu, dàn đèn sân vận động tỉnh do Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đầu tư.
- Sân vận động tỉnh, hồ bơi, sân quần vợt, trường bắn và các sân tập thể thao khác, trường đào tạo vận động viên và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thể dục thể thao do UBND tỉnh đầu tư.
- Trung tâm Thể dục thể thao các huyện, thị xã như: nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi và các công trình khác của cấp huyện, thị xã và các công trình cấp xã, ấp do UBND huyện, thị xã đầu tư.

## **PHẦN THỨ BA**

### **Các giải pháp thực hiện Quy hoạch**

#### **1. Các giải pháp thực hiện theo các giai đoạn phát triển**

1.1. Cơ chế chính sách huy động nguồn quỹ đất và các nguồn vốn đầu tư đối với những dự án xây dựng trong hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

1.1.1. Cơ chế chính sách huy động nguồn quỹ đất:

- UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã và các ngành chức năng tính toán chọn phương án quy hoạch quỹ đất hợp lý.

- UBND tỉnh chỉ đạo các ngành (Công an, quân đội . . .) và các đơn vị kinh tế (các công ty Cao su) dành quỹ đất cho hoạt động thể dục thể thao trong nguồn quỹ đất của đơn vị mình.

- Vận động nhân dân hiến đất bằng phương thức xã hội hóa thể dục thể thao.

- Hoán đổi vị trí đất để tăng diện tích đất dành cho hoạt động thể dục thể thao.

- Ngành Thể dục thể thao tích cực làm việc với các địa phương và ngành chức năng để tìm nguồn quỹ đất cho hoạt động thể dục thể thao.

#### 1.1.2. Cơ chế chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư:

- Lập dự án xin vốn đầu tư trung ương và tỉnh đối với các công trình thể dục thể thao cấp tỉnh.

- Tăng nguồn vốn đầu tư của huyện, thị xã đối với các công trình thể dục thể thao cấp huyện và cấp xã, phường, thị trấn.

#### 1.1.3. Cơ chế hỗ trợ đầu tư các dự án theo hướng xã hội hóa:

- Thực hiện cơ chế đầu tư các công trình thể thao cấp xã, phường, thị trấn theo hướng 50% vốn ngân sách Nhà nước và 50% vốn huy động các nguồn khác.

- Tạo quỹ đất để các cá nhân, tổ chức đầu tư cơ sở vật chất thể dục thể thao.

- Tạo cơ chế miễn hoặc giảm thuế cho trong công tác xã hội hóa thể dục thể thao.

- Vận động nhân dân hiến đất hoặc đổi đất để xây dựng công trình thể dục thể thao.

1.2. Tổng vốn đầu tư các giai đoạn: 420,17 tỷ đồng

1.2.1. Vốn ngân sách nhà nước cấp: 388,085 tỷ đồng

Trong đó: + Ngân sách trung ương: 61,00 tỷ đồng

+ Ngân sách tỉnh: 138,50 tỷ đồng

+ Ngân sách các huyện, thị xã: 188,585 tỷ đồng

1.2.2. Huy động các nguồn vốn xã hội hóa: 32,085 tỷ đồng.

#### 1.3. Yêu cầu các biện pháp về công nghệ và trang thiết bị hiện đại:

Trang bị các phương tiện ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên và tổ chức thi đấu.

#### 1.4. Các đề xuất về cơ chế chính sách:



- Xây dựng chế độ chính sách khuyến khích xã hội hóa trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao.

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao, kể cả đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Xây dựng chính sách ưu tiên trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới.

## **2. Danh mục công trình dự án đầu tư trọng điểm**

2.1. Danh mục các dự án dài hạn: gồm những công trình thể thao cấp tỉnh như: khán đài A sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi, trường bắn thể thao.

2.2. Xây dựng những dự án ưu tiên cho giai đoạn 1 ( 2008 - 2010 ):

- Công trình thể thao cấp tỉnh

Đầu tư xây dựng khán đài A sân vận động; nhà thi đấu; bể bơi; 4 sân quần vợt (2 sân có mái che); cổng, tường rào khu trung tâm TDTT; trải nhựa tổng hợp đường chạy điền kinh; các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm; các sân tập thể thao; hệ thống cấp nước khu trung tâm TDTT; trạm hạ thế và hệ thống điện; đường nội ô; dàn đèn chiếu sáng sân vận động.

- Cấp huyện, thị xã

Đầu tư xây dựng 6 nhà thi đấu ở 6 đơn vị: thị xã Đồng Xoài, huyện Phước Long, huyện Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Chơn Thành, huyện Lộc Ninh; 6 sân vận động có khán đài ở 6 đơn vị: thị xã Đồng Xoài, huyện Phước Long, huyện Bình Long, huyện Đồng Phú, huyện Chơn Thành, huyện Bù Đốp; 4 bể bơi ở các đơn vị: thị xã Đồng Xoài, huyện Phước Long, huyện Bình Long, huyện Bù Đăng.

- Cấp xã, phường, thị trấn:

Đầu tư 50 sân bóng đá ở 50 đơn vị cấp xã; 380 sân tập luyện thể dục thể thao ở 380 đơn vị cấp ấp.

## **3. Tổ chức thực hiện Quy hoạch**

3.1. Tiến độ thực hiện:

- Tháng 02/2008 UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch.

- Quý I năm 2008, Sở Thể dục thể thao tham mưu cho UBND tỉnh ban hành một số chính sách, dự án, đề án cụ thể từng lĩnh vực để thực hiện Quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện ngay sau khi có dự án, đề án cụ thể của từng lĩnh vực được duyệt.

- Tổ chức kiểm tra đánh giá đối với từng dự án, đề án cụ thể và tổ chức sơ kết đánh giá từng giai đoạn.



### 3.2. Phân công trách nhiệm thực hiện:

#### 3.2.1. Sở Thể dục thể thao

- Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện theo từng giai đoạn.

- Tham mưu, đề xuất các chính sách liên quan đến công tác xã hội hóa thể dục thể thao.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao và các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao của tỉnh theo từng giai đoạn.

#### 3.2.2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Thể dục thể thao, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã bố trí quỹ đất cho trường học ở từng địa phương và các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao trong nhà trường các cấp theo từng giai đoạn.

#### 3.2.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Thể dục thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã căn cứ vào Quy hoạch để bố trí quỹ đất cho hoạt động thể dục thể thao ở từng địa phương. Tập trung bố trí quỹ đất ở cấp xã, phường, thị trấn.

#### 3.2.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Thể dục thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất UBND tỉnh phê duyệt các dự án xây dựng đầu tư cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao và phân bổ nguồn vốn để thực hiện.

#### 3.2.5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thể dục thể thao, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất UBND tỉnh phê duyệt ngân sách các dự án xây dựng đầu tư cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao.

#### 3.2.6. UBND các huyện, thị xã

Phối hợp với Sở Thể dục thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện quy hoạch đất cho hoạt động thể dục thể thao (đặc biệt quỹ đất ở cấp xã, phường, thị trấn); xây dựng và bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án xây dựng đầu tư cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao; huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao trên địa bàn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ NICH



## **PHẦN PHỤ LỤC**

1. Biểu số 01: Đất đai dành cho hoạt động thể dục thể thao
2. Biểu số 02: Công trình thể dục thể thao có đến ngày 30/6/2007
3. Biểu số 03: Danh mục dự án chủ yếu đầu tư giai đoạn 2008 - 2010
4. Biểu số 04: Danh mục dự án chủ yếu đầu tư giai đoạn 2011 - 2015
5. Biểu số 05: Danh mục dự án chủ yếu đầu tư giai đoạn 2016 - 2020